

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường Mầm Non Bắc Hưng, xã Chân Hưng

Mã số: 1108156

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chân Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu, chi nguồn học phí | |
| 1.1 | Số thu nguồn học phí | 232.011.000 |
| 1.2 | Số chi nguồn học phí | 232.011.000 |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 4.756.326.600 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Mầm non (071) | 4.756.326.600 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 4.571.110.600 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 4.037.784.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 533.326.600 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 185.216.000 |
| | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18.100) | 185.216.000 |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường Mầm Non Nam Hưng, xã Chấn Hưng

Mã số: 1108155

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu, chi nguồn học phí | |
| 1.1 | Số thu nguồn học phí | 206.577.000 |
| 1.2 | Số chi nguồn học phí | 206.577.000 |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 5.000.588.400 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Mầm non (071) | 5.000.588.400 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 4.799.760.400 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 4.243.870.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 555.890.400 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 200.828.000 |
| | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 200.828.000 |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường Mầm Non Đông Hưng, xã Chấn Hưng

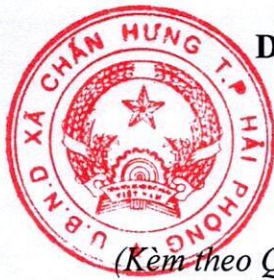
Mã số: 1108153

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu, chi nguồn học phí | |
| 1.1 | Số thu nguồn học phí | 247.626.000 |
| 1.2 | Số chi nguồn học phí | 247.626.000 |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 6.245.159.400 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Mầm non (071) | 5.965.847.400 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 5.965.847.400 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 5.275.920.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 689.927.400 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 279.312.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18.100) | 279.312.000 |



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Bắc Hưng, xã Chân Hưng

Mã số: 1051809

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chân Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 1.1 | Lệ phí | |
| 1.2 | Phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 7.565.262.700 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Tiểu học (072) | 7.565.262.700 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 7.271.545.700 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 6.464.133.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13.100) | 807.412.700 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 293.717.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18.100) | 293.717.000 |

Đơn vị: Trường Tiểu học Nam Hưng, xã Chấn Hưng

Mẫu biểu số 48

Chương: 072



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Nam Hưng, xã Chấn Hưng

Mã số: 1051811

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 1.1 | Lệ phí | |
| 1.2 | Phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 4.618.943.900 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Tiểu học (072) | 4.618.943.900 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 4.434.738.900 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 3.942.317.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 492.421.900 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 184.205.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 184.205.000 |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường Tiểu học Đông Hưng, xã Chấn Hưng

Mã số: 1052044

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 1.1 | Lệ phí | |
| 1.2 | Phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 6.220.663.100 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Tiểu học (072) | 6.220.663.100 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 5.964.208.100 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 5.301.958.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 662.250.100 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 256.455.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 256.455.000 |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026***Đơn vị: Trường Tiểu học Tây Hưng, xã Chân Hưng**Mã số: 1052045**Mã KBNN nơi giao dịch: 0071**(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chân Hưng)**Đơn vị: đồng*

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 1.1 | Lệ phí | |
| 1.2 | Phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 5.596.046.800 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Tiểu học (072) | 5.596.046.800 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 5.346.499.800 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 4.752.838.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 593.661.800 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 249.547.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 249.547.000 |

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chấn Hưng, xã Chấn Hưng

Mẫu biểu số 48

Chương: 073



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chấn Hưng, xã Chấn Hưng

Mã số: 1132717

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu, chi nguồn học phí | |
| 1.1 | Số thu nguồn học phí | 443.052.000 |
| 1.2 | Số chi nguồn học phí | 443.052.000 |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 9.333.436.100 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Trung học cơ sở (073) | 9.333.436.100 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 8.908.866.100 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 7.870.454.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 1.038.412.100 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 424.570.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 424.570.000 |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Đông Tây Hưng, xã Chấn Hưng

Mã số: 1132718

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Chấn Hưng)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|-----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu, chi nguồn học phí | |
| 1.1 | Số thu nguồn học phí | 463.698.000 |
| 1.2 | Số chi nguồn học phí | 463.698.000 |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước ⁽¹⁾ | 10.059.728.500 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục Trung học cơ sở (073) | 10.059.728.500 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 9.585.710.500 |
| - | KP. Chi lương, PC, BH...(13) | 8.469.763.000 |
| - | Hoạt động theo định mức (13) | 1.115.947.500 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 474.018.000 |
| - | Quỹ thưởng NĐ số 73/2024/NĐ-CP (18) | 474.018.000 |